

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cấp nước Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 1855/QĐ.UB ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000479, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 26 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại : (84-254) 3 838 324
- Fax : (84-254) 3 833 636

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp xây lắp	Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Vũng Tàu	Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Bà Rịa	Số 4 Đường Điện Biên Phủ, Phường Phước Hưng, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, Thị trấn Phước Bửu, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, Xã Kim Long, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, Thị trấn Long Hải, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp sản xuất nước	Khu phố 4, Phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại;
- Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Duy tu bảo dưỡng đường bộ, trạm, vά, sửa chữa mặt đường, vỉa hè;
- Gia công cơ khí;
- Cung cấp phần mềm tin học quản lý hệ cấp nước, cài đặt hướng dẫn sử dụng và bảo hành;
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy cấp nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh theo quy định của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Võ Văn Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Minh Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Tấn Luận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Võ Thị Nhã	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Ý Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm
Ông Nguyễn Lương Điền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Chí Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Lương Điền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Đinh Chí Đức
Chủ tịch

Ngày 17 tháng 02 năm 2023



Số: 1.0187/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Lý Quốc Trung****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

**Phạm Hoa Đăng****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.086.789.255	326.488.398.662
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.125.203.523	85.526.350.886
1. Tiền	111		8.625.203.523	5.226.350.886
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.500.000.000	80.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.835.000.000	146.535.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	11.835.000.000	146.535.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.803.023.951	29.910.509.891
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.331.682.794	18.265.713.995
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.952.149.760	10.027.282.442
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	70.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	482.155.397	2.580.477.454
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(962.964.000)	(962.964.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		47.222.592.114	52.900.834.821
1. Hàng tồn kho	141	V.8	47.222.592.114	52.900.834.821
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.100.969.667	11.615.703.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.100.969.667	11.561.031.394
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	54.671.670
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		902.024.861.046	839.772.248.639
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		623.781.076.538	482.101.141.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	622.577.570.038	481.551.141.869
- Nguyên giá	222		1.698.149.779.029	1.450.912.433.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.075.572.208.991)	(969.361.291.653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.203.506.500	550.000.000
- Nguyên giá	228		3.158.462.319	2.463.734.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.954.955.819)	(1.913.734.819)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		220.055.245.368	309.304.347.886
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	220.055.245.368	309.304.347.886
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.469.788.884	48.366.758.884
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	28.591.417.984	21.488.387.984
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	26.878.370.900	26.878.370.900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.718.750.256	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.718.750.256	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.125.111.650.301	1.166.260.647.301

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		75.811.662.888	207.872.349.229
I. Nợ ngắn hạn	310		71.250.959.386	202.997.114.451
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.463.455.083	50.331.376.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.224.932.363	12.395.419.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10.161.936.690	9.803.944.332
4. Phải trả người lao động	314	V.16	28.195.738.402	31.334.407.213
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.561.882.271	9.636.896.856
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.082.990.010	66.924.426.300
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	5.032.500.441	4.717.969.165
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.527.524.126	17.852.674.365
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.560.703.502	4.875.234.778
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	4.560.703.502	4.875.234.778
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.049.299.987.413	958.388.298.072
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.049.299.987.413	958.388.298.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	53.046.688.014	53.046.688.014
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	96.253.299.399	5.341.610.058
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.341.610.058	5.341.610.058
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		90.911.689.341	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.125.111.650.301	1.166.260.647.301

Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	680.529.275.352	628.981.911.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		680.529.275.352	628.981.911.965
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	310.035.176.464	283.856.244.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		370.494.098.888	345.125.667.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.681.699.129	18.159.127.469
7. Chi phí tài chính	22		497.881.273	231.147.598
Trong đó: chi phí lãi vay	23		497.881.273	231.147.598
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	118.107.083.745	83.060.469.291
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	71.275.977.669	58.417.346.390
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		199.294.855.330	221.575.831.783
11. Thu nhập khác	31	VI.6	18.589.758.071	3.800.292.775
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.187.929.828	3.193.894.687
13. Lợi nhuận khác	40		15.401.828.243	606.398.088
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		214.696.683.573	222.182.229.871
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	23.035.872.583	23.358.562.059
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>191.660.810.990</u>	<u>198.823.667.812</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	<u>1.810</u>	<u>1.878</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a	<u>1.810</u>	<u>1.878</u>



Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		214.696.683.573	222.182.229.871
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11	107.199.008.390	95.412.503.859
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(18.642.643.165)	(21.246.369.288)
- Chi phí lãi vay	06		497.881.273	231.147.598
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		303.750.930.071	296.579.512.040
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.156.432.773	(10.041.028.289)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.678.242.707	(14.627.072.964)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(48.894.822.838)	41.176.022.988
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.718.750.256)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(497.881.273)	(231.147.598)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(24.358.562.059)	(24.267.562.188)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(45.074.271.888)	(30.237.427.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		198.041.317.237	258.351.296.136
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.10 V.11, V.13	(157.778.765.822)	(224.456.310.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.305.749.852
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	(311.100.000.000)	(292.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	375.800.000.000	419.180.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(7.103.030.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	20.739.331.222	21.137.446.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(79.442.464.600)	(71.933.113.339)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	78.974.203.865	49.496.078.550
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(78.974.203.865)	(49.496.078.550)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, V.21a	(135.000.000.000)	(108.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(135.000.000.000)	(108.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.401.147.363)	78.418.182.797
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85.526.350.886	7.108.168.089
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	69.125.203.523	85.526.350.886

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

9815
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
BÀ RỊA - VŨNG TÀU
& C
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại; xây dựng công trình cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	02 Độc Lập, Khu phố Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất nước sạch	17,76%	17,76%	17,76%
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC)	262 Đường Lê Lợi, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ du lịch	35%	35%	35%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp	Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp Cấp nước Vũng Tàu	Số 359 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Cấp nước Bà Rịa	Số 4 Đường Điện Biên Phủ, Phường Phước Hưng, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, Thị trấn Phước Bửu, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, Xã Kim Long, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp Cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, Thị trấn Long Hải, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp Sản xuất nước	Khu phố 4, Phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 430 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 424 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp nước được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	750.256.240	981.137.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.874.947.283	4.245.213.532
Các khoản tương đương tiền (*)	60.500.000.000	80.300.000.000
Cộng	<u>69.125.203.523</u>	<u>85.526.350.886</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có thời hạn còn lại dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	28.591.417.984	-	21.488.387.984	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ ⁽ⁱ⁾	25.791.417.984	-	18.688.387.984	-
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) ⁽ⁱⁱ⁾	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.878.370.900	-	26.878.370.900	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.534.000.000	-	21.534.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu ^(iv)	5.344.370.900	-	5.344.370.900	-
Cộng	55.469.788.884	-	48.366.758.884	-

(i) Trong năm, Công ty đầu tư thêm 710.303 cổ phiếu với số tiền 7.103.030.000 VNĐ và nhận thêm 532.727 cổ phiếu phát hành từ việc tăng vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ với số tiền là 25.791.417.984 VND, tương đương 8.346.064 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 17,76% vốn điều lệ (tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ đầu năm là 17,76%).

(ii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao du lịch OSC) với số tiền là 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.

(iii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức với số tiền là 21.534.000.000 VND, tương đương 2.673.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,35% vốn điều lệ.

(iv) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu với số tiền là 5.344.370.900 VND tương đương 515.803 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ		
Cổ tức phải trả	3.648.510.400	8.666.865.600
Cổ tức được chia	7.103.034.000	7.103.034.000
Thanh lý tài sản cố định	-	4.273.931.670
Cung cấp dịch vụ	64.814.815	63.636.364
Cung cấp dịch vụ xây lắp	1.748.310.500	518.266.680
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	-	35.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	4.041.324.837
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	-	4.041.324.837
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	14.331.682.794	14.224.389.158
Phải thu khách hàng cung cấp nước	13.329.937.808	11.429.878.391
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	1.001.744.986	2.794.510.767
Cộng	14.331.682.794	18.265.713.995

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	1.872.000.000	3.672.000.000
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	1.872.000.000	3.672.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	4.080.149.760	6.355.282.442
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	1.895.216.763	-
Các nhà cung cấp khác	2.184.932.997	6.355.282.442
Cộng	5.952.149.760	10.027.282.442

Trong đó, số dư công nợ trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản cuối năm là 1.895.216.763 VND (số đầu năm là 6.264.315.270 VND).

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (là bên liên quan) vay với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,9%/năm, thời hạn vay từ 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	469.307.397	-	2.565.995.454	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.848.000	-	14.482.000	-
Cộng	482.155.397	-	2.580.477.454	-

7. Nợ xấu

Khoản nợ phải thu về công trình xây lắp của Công ty TNHH Khang Linh đã quá hạn trên 03 năm.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.356.338.292	-	39.611.641.564	-
Công cụ, dụng cụ	282.544.483	-	226.157.261	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.583.709.339	-	13.063.035.996	-
Cộng	47.222.592.114	-	52.900.834.821	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.680.758.323	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.037.991.933	-
Cộng	2.718.750.256	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	253.072.449.793	110.343.593.580	1.079.317.824.379	8.178.565.770	1.450.912.433.522
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.234.057.599	9.899.267.513	185.916.894.538	1.133.995.909	248.184.215.559
Thanh lý, nhượng bán	-	(121.284.371)	(825.585.681)	-	(946.870.052)
Số cuối năm	304.306.507.392	120.121.576.722	1.264.409.133.236	9.312.561.679	1.698.149.779.029

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	143.760.201.929	97.337.186.982	433.732.420.361	7.840.947.160	682.670.756.432
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	180.766.418.667	99.376.969.467	681.505.054.443	7.712.849.076	969.361.291.653
Khấu hao trong năm	18.866.518.627	4.482.175.926	83.592.663.945	216.428.892	107.157.787.390
Thanh lý, nhượng bán	-	(121.284.371)	(825.585.681)	-	(946.870.052)
Số cuối năm	199.632.937.294	103.737.861.022	764.272.132.707	7.929.277.968	1.075.572.208.991

Giá trị còn lại

Số đầu năm	72.306.031.126	10.966.624.113	397.812.769.936	465.716.694	481.551.141.869
Số cuối năm	104.673.570.098	16.383.715.700	500.137.000.529	1.383.283.711	622.577.570.038

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	550.000.000	1.913.734.819	2.463.734.819
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	694.727.500	694.727.500
Số cuối năm	550.000.000	2.608.462.319	3.158.462.319
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.913.734.819	1.913.734.819
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.913.734.819	1.913.734.819
Khấu hao trong năm	-	41.221.000	41.221.000
Số cuối năm	-	1.954.955.819	1.954.955.819

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	550.000.000	-	550.000.000
Số cuối năm	550.000.000	653.506.500	1.203.506.500
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	11.284.075.545	(11.284.075.545)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	309.301.497.886	144.888.237.868	(232.541.892.795)	(1.619.653.850)	220.028.189.109
- Công trình tuyến ống D1200-1000 từ Nhà máy Hồ Đá Đen đến vòng xoay 51B	8.432.857.496	-	-	(1.619.653.850)	6.813.203.646
- Công trình tuyến ống D600 từ vòng xoay 3/2 đến Nguyễn An Ninh	73.547.673.690	3.245.182.690	(76.792.856.380)	-	-
- Công trình mở rộng nâng cấp cơ sở nhà máy Hồ Đá Đen thêm 125.000 m3/ ngày, đê - Trung tâm điều hành và quản lý chất lượng nước	163.190.072.241	28.966.860.383	-	-	192.156.932.624
- Các công trình khác	20.172.488.604	4.026.681.389	(24.199.169.993)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	43.958.405.855	108.649.513.406	(131.549.866.422)	-	21.058.052.839
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.850.000	7.957.009.417	(5.052.974.719)	(2.879.828.439)	27.056.259
Cộng	309.304.347.886	164.129.322.830	(248.878.943.059)	(4.499.482.289)	220.055.245.368

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	2.209.281.700
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	-	2.209.281.700
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.463.455.083	48.122.094.760
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lan Thanh	-	10.310.677.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	5.225.961.108	7.727.866.796
Công ty TNHH Du thuyền Viễn Đông	-	6.679.809.223
Công ty TNHH Xây dựng Tây Bắc	126.891.400	5.161.579.000
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ An Bình Full	2.868.639.097	1.357.774.200
Các nhà cung cấp khác	5.241.963.478	16.884.387.946
Cộng	13.463.455.083	50.331.376.460

Trong đó, số dư công phải trả người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định cuối năm là 5.225.961.108 VND (số đầu năm là 7.743.984.896 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>1.222.174.752</i>	<i>103.679.652</i>
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	1.222.174.752	103.679.652
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>2.757.611</i>	<i>12.291.740.108</i>
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Long Điền	-	9.463.728.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Xuyên Mộc	-	2.034.509.564
Các khách hàng khác	2.757.611	793.502.544
Cộng	<u>1.224.932.363</u>	<u>12.395.419.760</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.317.128.998	-	3.215.354.162	(3.694.639.560)	837.843.600	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.330.800.033	-	23.035.872.583	(24.358.562.059)	4.008.110.557	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	54.671.670	10.922.061.714	(10.402.790.852)	464.599.192	-
Thuế tài nguyên	9.418.543	-	123.767.531	(122.618.878)	10.567.196	-
Tiền thuế đất	-	-	792.986.934	(792.986.934)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.234.837	(10.234.837)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.146.596.758	-	45.540.020.926	(43.845.801.539)	4.840.816.145	-
Cộng	<u>9.803.944.332</u>	<u>54.671.670</u>	<u>83.640.298.687</u>	<u>(83.227.634.659)</u>	<u>10.161.936.690</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước 05%
- Cung cấp dịch vụ khác từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022 10%
- Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 áp dụng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau 08 hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm 2018, Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tống như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.696.683.573	222.182.229.871
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.589.617.237	2.995.439.836
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	216.286.300.810	225.177.669.707
Thu nhập được miễn thuế	(11.628.334.800)	(7.653.837.000)
Thu nhập tính thuế	204.657.966.010	217.523.832.707
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	40.931.593.202	43.504.766.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(17.895.720.619)	(20.146.204.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	23.035.872.583	23.358.562.059

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- | | |
|--|-----|
| - Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác | 01% |
| - Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất | 03% |

Tiền thuế đất

Công ty nộp tiền thuế đất theo thông báo nộp tiền thuế đất của Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 2.000 VND/m³ nước thương phẩm theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2017/BBH-HĐQT ngày 08 tháng 7 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí nước thô	8.813.107.800	8.955.617.400
Trích Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng	725.561.876	681.279.456
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	23.212.595	-
Cộng	<u>9.561.882.271</u>	<u>9.636.896.856</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	<i>3.194.100.000</i>
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ - Cổ tức phải trả	-	3.194.100.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.082.990.010</i>	<i>63.730.326.300</i>
Kinh phí công đoàn	-	32.773.400
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	47.627.500	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.229.724.850	1.109.913.975
Cổ tức phải trả	-	59.805.900.000
Phí nước thải được hưởng	382.115.573	2.553.770.631
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	423.522.087	227.968.294
Cộng	<u>2.082.990.010</u>	<u>66.924.426.300</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.19b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	78.974.203.865	-	(78.974.203.865)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.717.969.165	-	314.531.276	-	5.032.500.441
Cộng	<u>4.717.969.165</u>	<u>78.974.203.865</u>	<u>314.531.276</u>	<u>(78.974.203.865)</u>	<u>5.032.500.441</u>

19b. Vay dài hạn

Khoản vay không có thế chấp Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể cũng như thông báo số dư nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	5.032.500.441	4.717.969.165
Trên 01 năm đến 05 năm	1.258.125.104	1.258.125.104
Trên 05 năm	3.302.578.398	3.617.109.674
Tổng nợ	<u>9.593.203.943</u>	<u>9.593.203.943</u>

Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.875.234.778	5.189.766.054
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(314.531.276)	(314.531.276)
Số cuối năm	<u>4.560.703.502</u>	<u>4.875.234.778</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.852.674.365	18.266.552.046
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	28.749.121.649	29.823.550.172
Chi quỹ trong năm	(45.074.271.888)	(30.237.427.853)
Số cuối năm	<u>1.527.524.126</u>	<u>17.852.674.365</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	23.223.137.842	37.165.042.590	960.388.180.432
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	198.823.667.812	198.823.667.812
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	29.823.550.172	(59.647.100.344)	(29.823.550.172)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(171.000.000.000)	(171.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>900.000.000.000</u>	<u>53.046.688.014</u>	<u>5.341.610.058</u>	<u>958.388.298.072</u>
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	53.046.688.014	5.341.610.058	958.388.298.072
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	191.660.810.990	191.660.810.990
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	(28.749.121.649)	(28.749.121.649)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(72.000.000.000)	(72.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>900.000.000.000</u>	<u>53.046.688.014</u>	<u>96.253.299.399</u>	<u>1.049.299.987.413</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	326.228.430.000	326.228.430.000
Tỉnh ủy Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	94.606.210.000	94.606.210.000
Các cổ đông khác	479.165.360.000	479.165.360.000
Cộng	<u>900.000.000.000</u>	<u>900.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 4 năm 2022 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Chia cổ tức bằng tiền (15% mệnh giá)	135.000.000.000	135.000.000.000	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế năm 2021)	29.823.550.172	29.823.550.172	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế năm 2021)	29.823.550.172	29.823.550.172	-

Ngoài ra, trong năm Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 28.749.121.649 VND dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2022, Công ty tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2022 với tỷ lệ 08% mệnh giá với số tiền là 72.000.000.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước thành phẩm	674.144.369.225	622.669.174.404
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	4.165.982.309	3.955.487.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.980.000.000	1.980.000.000
Doanh thu khác	238.923.818	377.249.777
Cộng	<u>680.529.275.352</u>	<u>628.981.911.965</u>

Trong năm, doanh thu nội bộ của Xí nghiệp Xây lắp cung cấp cho các đơn vị trực thuộc trong nội bộ Công ty là 77.656.544.624 VND (năm trước là 62.422.412.821 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ vận hành cho Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức với số tiền là 1.980.000.000 VND (năm trước là 1.980.000.000 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	307.083.062.450	280.435.652.811
Giá vốn của hoạt động thi công, lắp đặt	2.847.394.532	3.251.787.319
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	104.719.482	168.804.242
Cộng	310.035.176.464	283.856.244.372

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.362.749.461	9.065.062.823
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	39.055.964	25.716.535
Lãi tiền cho vay	2.651.558.904	1.414.511.111
Cổ tức được chia	11.628.334.800	7.653.837.000
Cộng	18.681.699.129	18.159.127.469

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	31.040.302.197	28.098.037.448
Chi phí vật liệu, bao bì	14.102.761.771	9.026.722.320
Chi phí bảo hành	36.003.958.741	21.330.012.714
Chi phí sửa chữa, cải tạo đường ống	33.615.118.871	23.153.991.198
Các chi phí khác	3.344.942.165	1.451.705.611
Cộng	118.107.083.745	83.060.469.291

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	35.949.034.538	28.305.621.370
Chi phí vật liệu quản lý	1.282.240.426	750.776.348
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.306.373.207	3.003.747.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.721.218.715	3.471.474.815
Thuế, phí và lệ phí	2.002.226.457	5.336.026.147
Chi phí tiếp khách	11.847.106.372	4.084.849.302
Các chi phí khác	13.167.777.954	13.464.850.475
Cộng	71.275.977.669	58.417.346.390

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	13.593.370.814	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.112.958.354
Thu nhập do chuyển nhượng vật tư	866.281.212	43.527.273
Các khoản thu nhập khác	4.130.106.045	643.807.148
Cộng	18.589.758.071	3.800.292.775

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuế chậm nộp	18.318.071	2.017.805.339
Giá vốn thanh lý vật tư	588.224.030	316.514.088
Chi phí khác	2.581.387.727	859.575.260
Cộng	<u>3.187.929.828</u>	<u>3.193.894.687</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	191.660.810.990	198.823.667.812
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(28.749.121.649)	(29.823.550.172)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	162.911.689.341	169.000.117.640
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.810</u>	<u>1.878</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.204.416.848	122.170.774.387
Chi phí nhân công	145.126.185.555	132.804.846.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.199.008.390	95.412.503.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.891.402.826	28.698.464.813
Chi phí khác	62.997.224.259	51.948.288.200
Cộng	<u>499.418.237.878</u>	<u>431.034.878.177</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 11768/UBND-VP ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2011 - 2015 thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng tỉnh và tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn này phải được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty tại năm chi trả. Hiện tại, Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ vào Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Đinh Chí Đức - Chủ tịch	1.726.478.000	1.662.408.870
Ông Nguyễn Lương Điền - Phó Chủ tịch	252.000.000	252.000.000
Ông Võ Văn Bình - Thành viên	216.000.000	216.000.000
Bà Lê Minh Đức - Thành viên	1.290.637.000	1.239.368.460
Ông Nguyễn Tiến Lạng - Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Tùng - Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy - Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Phạm Tấn Luận - Thành viên	216.000.000	216.000.000
Bà Võ Thị Nhã - Thành viên	1.077.242.000	1.075.283.970
Các thành viên Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Trưởng ban	504.661.000	196.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc - Thành viên	577.304.000	184.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhung - Thành viên (năm trước từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	-	21.000.000
Bà Nguyễn Ý Minh - Thành viên	322.532.000	163.000.000
Các thành viên Ban điều hành, quản lý		
Ông Nguyễn Lương Điền - Tổng Giám đốc	1.441.478.000	1.365.077.300
Ông Nguyễn Tiến Lạng - Phó Tổng Giám đốc	1.361.378.000	1.293.110.120
Ông Nguyễn Cảnh Tùng - Phó Tổng Giám đốc	1.361.378.000	1.293.110.120
Bà Nguyễn Thị Nhung - Kế toán trưởng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2022)	1.137.748.000	-
Ông Nguyễn Quốc Huy - Kế toán trưởng (năm trước từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021)	-	1.214.307.940
Cộng	<u>12.132.836.000</u>	<u>11.038.666.780</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao du lịch OSC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Các thành viên chủ chốt và cá nhân có liên quan với thành viên chủ chốt của Công ty là thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Thành viên chủ chốt của Công ty là thành viên chủ chốt của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ kỹ thuật
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	Thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác là như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức		
Cổ tức được chia	4.009.500.000	-
Chi cho vay	140.000.000.000	70.000.000.000
Lãi cho vay	2.651.558.904	1.414.511.111
Thanh lý vật tư	866.281.212	-
Công ty Cổ phần Nước, Môi Trường và Hạ Tầng Kỹ Thuật Sài Gòn		
Tư vấn và giám sát công trình	2.216.363.637	3.069.681.724
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B		
Mua hàng vật tư ngành nước	11.764.581.600	22.708.064.882

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. **Thông tin về bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 99,06% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Năm nay Công ty đã phân loại lại chi phí tiền lương nhân viên giữa các bộ phận sản xuất nước, bán hàng và quản lý của năm trước cho phù hợp với cách phân loại chi phí tiền lương nhân viên của năm nay.

Ảnh hưởng của vấn đề này đến số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp như sau:

Khoản mục	Mã số	Số liệu trước		Số liệu sau điều chỉnh
		điều chỉnh	Các điều chỉnh	
Giá vốn hàng bán	11	331.585.409.610	(47.729.165.238)	283.856.244.372
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	297.396.502.355	47.729.165.238	345.125.667.593
Chi phí bán hàng	25	54.962.431.843	28.098.037.448	83.060.469.291
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.786.218.600	19.631.127.790	58.417.346.390

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.125.203.523	-	-	-	69.125.203.523
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.835.000.000	-	-	-	11.835.000.000
Phải thu khách hàng	13.368.718.794	-	-	962.964.000	14.331.682.794
Các khoản cho vay	70.000.000.000	-	-	-	70.000.000.000
Các khoản phải thu khác	482.155.397	-	-	-	482.155.397
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.878.370.900	-	-	-	26.878.370.900
Cộng	191.689.448.614	-	-	962.964.000	192.652.412.614
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.526.350.886	-	-	-	85.526.350.886
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	146.535.000.000	-	-	-	146.535.000.000
Phải thu khách hàng	17.302.749.995	-	-	962.964.000	18.265.713.995
Các khoản phải thu khác	2.580.477.454	-	-	-	2.580.477.454
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.878.370.900	-	-	-	26.878.370.900
Cộng	278.822.949.235	-	-	962.964.000	279.785.913.235

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn là trên 03 năm.

5b. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	13.463.455.083	-	-	13.463.455.083
Vay và nợ	5.032.500.441	1.258.125.104	3.302.578.398	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	11.597.244.781	-	-	11.597.244.781
Cộng	30.093.200.305	1.258.125.104	3.302.578.398	34.653.903.807

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	50.331.376.460	-	-	50.331.376.460
Vay và nợ	4.717.969.165	1.258.125.104	3.617.109.674	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	76.528.549.756	-	-	76.528.549.756
Cộng	131.577.895.381	1.258.125.104	3.617.109.674	136.453.130.159

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phát sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

5d. **Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.125.203.523	-	85.526.350.886	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.835.000.000	-	146.535.000.000	-
Phải thu khách hàng	14.331.682.794	(962.964.000)	18.265.713.995	(962.964.000)
Các khoản cho vay	70.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	482.155.397	-	2.580.477.454	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.878.370.900	-	26.878.370.900	-
Cộng	192.652.412.614	(962.964.000)	279.785.913.235	(962.964.000)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	13.463.455.083	50.331.376.460
Vay và nợ	9.593.203.943	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	11.597.244.781	76.528.549.756
Cộng	34.653.903.807	136.453.130.159

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc

